| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH NAM ĐỊNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 167 /KH-UBND | *Nam Định, ngày 29 tháng 12 năm 2023* |

# KẾ HOẠCH
## Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2024

## Phần I
## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

Năm 2023, việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nam Định đạt được nhiều kết quả tích cực. Thông qua công tác triển khai các đề án, dự án, kế hoạch về chuyển đổi số (CĐS), kết hợp với việc thực thi các giải pháp về xây dựng môi trường chính sách, đảm bảo đủ nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, đào tạo, tuyên truyền phổ biến,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Hiệu quả công tác quản lý nhà nước được nâng cao. Môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải thiện theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) từng bước đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh. Năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) được cải thiện. Mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao. Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh từng bước được hình thành, phù hợp với bối cảnh phát triển của tỉnh và định hướng phát triển Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông cơ bản đảm bảo thực hiện được mục tiêu "Đẩy mạnh chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng nhanh và bền vững dựa trên khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của người dân" mà tỉnh đã đề ra.

### I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

Triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX;…. UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong triển khai thực hiện. Công tác thực hiện chuyển đổi số; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh của tỉnh Nam Định năm 2023 tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng góp phần triển

khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, dữ liệu số của tỉnh được đầu tư, phát triển hiện đại, đồng bộ từ các cơ quan cấp tỉnh đến cấp xã. Các hệ thống thông tin, phần mềm, dịch vụ số dùng chung của tỉnh được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ đến các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số; công tác đào tạo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật kỹ năng số cho các cơ quan, đơn vị, người dân được triển khai đẩy mạnh. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đều đạt hoặc vượt so với yêu cầu của Nghị quyết số 17/NQ-CP, Quyết định số 749/QĐ-TTg; Quyết định số 942/QĐ-TTg; Nghị quyết số 09-NQ/TU; chỉ số xếp hạng chuyển đổi số (DTI Index) của tỉnh 2 năm liên tiếp (2020, 2021) được Bộ TTTT xếp hạng thứ 11/ 63, năm 2022 xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố tăng 01 bậc.

## II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

### 1. Nhận thức số

1.1 Ngày Chuyển đổi số

Thực hiện Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số Quốc gia; Quyết định số 1080/QĐ-BTTTT ngày 21/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch triển khai Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2023. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) năm 2023 trên địa bàn tỉnh với các hoạt động. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương và của cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp, người dân về sự cần thiết, vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đem lại đối với cuộc sống nói riêng của mỗi con người và sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung của Đất nước, của tỉnh. Từng bước tạo sự đồng thuận, tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, người dân vào tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, các hoạt động hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia được thực hiện cụ thể như sau:

- Tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên các phương tiện truyền thông và trên môi trường số gồm các trang, cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội; Treo băng rôn, khẩu hiệu, tuyên truyền lưu động trên các tuyến đường chính, khu vực trung tâm, tại các cửa hàng điện tử, máy tính, siêu thị điện máy lớn trên địa bàn các huyện, thành phố trong tỉnh. Tổ chức Hội nghị chuyển đổi số cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh gắn với hưởng ứng các hoạt động chào mừng Ngày doanh

nhân Việt Nam (13/10), tạo tiền đề thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

Các Sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh tổ chức tuyên truyền tới toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị trực thuộc về mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 là " Khai thác dữ liệu số để tạo ra giá trị".

b) Tồn tại, hạn chế: Còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và người dân chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chuyển đổi số nói chung và Ngày chuyển đổi số quốc gia nói riêng.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đã chỉ đạo UBND các huyện, thành phố phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo và các doanh nghiệp công nghệ số tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất mô hình "Chuyển đổi số tại Trường Tiểu học, THCS tiến tới xây dựng mô hình các Trường học số trên địa bàn tỉnh Nam Định" trên địa bàn tỉnh. Đến nay đã có 267/453 trường Tiểu học, THCS trên địa bàn 10/10 huyện, thành phố đã cơ bản hoàn thành mô hình góp phần tạo tiền đề sớm hoàn thành thực hiện chuyển đổi số tổng thể và toàn diện lĩch vực giáo dục.

- 100% các hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số dùng chung trong xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh Nam Định (như: Nền tảng đăng nhập một lần (SSO), Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp Hệ thống một cửa điện tử), Hệ thống thông tin báo cáo, Phần mềm Quản quản lý văn bản và điều hành,….) và nhiều hệ thống của các cơ quan đơn vị đã được kết nối, chia sẻ, liên thông với nhau thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP).

- Ban hành Kế hoạch số 54/KH-BCĐCĐS ngày 04/05/2023 về tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2023, theo đó trong năm đã tổ chức 75 hội nghị như: Phổ biến kiến thức về Phát triển Dữ liệu số tỉnh Nam Định; Tập huấn, phổ biến kiến thức chuyển đổi số lĩnh vực Công thương, lĩnh vực Giao thông Vận tải, Đoàn thanh niên các cấp các doanh nghiệp, Tổ công nghệ số cộng đồng... Đặc biệt đã tổ chức tập huấn trực tiếp về các kiến thức chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công, VNeID… tại các xã, phường, thị trấn với 70 hội nghị cho khoảng trên trên 17.000 người dân tham dự.

- 100% các Hội nghị được tổ chức bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến với tổng số lượng đại biểu tham dự trực tiếp tại các điểm cầu là 22.780 người, số lượng người

tham dự trực tiếp trên Nền tảng số Cốc Cốc, các nền tảng Mạng xã hội là hơn 40.000 lượt người.

- Phối hợp với Cục Chuyển đổi số Quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh đoàn Nam Định tổ chức tổ chức Hội nghị phổ biến tập huấn, bồi dưỡng thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh, hội nghị được tổ chức bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến đến 100% UBND các huyện, thành phố, các xã, phường thị trấn.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho cán bộ, công chức thuộc 226 UBND xã, phường, thị trấn tổng số lượt cán bộ, công chức các sở, ngành, UBND huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn được đào tạo trực tiếp là hơn 2.500 người.

- Cập nhật đầy đủ các thông tin hoạt động, các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh trên chuyên tra về chuyển đổi số tại địa chỉ *(https://chuyendoiso.namdinh.gov.vn)* và cổng thành phần; tích cực xây dựng và cung cấp nhiều tài liệu tuyên truyền (quyển, tờ rơi, video clip) về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chỉ đạo các cơ quan báo chí, đài truyền hình tỉnh, các hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh xây dựng các chuyên mục riêng về chuyển đổi số để tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách... của tỉnh về chuyển đổi số và phát sóng định kỳ 1 tuần 1 lần.

- Sở Thông tin và Truyền thông đã ký chương trình phối hợp hành động với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Nam Định để triển khai các giải pháp để trong công tác tuyên truyền và hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng trong chuyển đổi số; Đoàn Thanh niên Công an tỉnh chủ động phối hợp với Đoàn Thanh niên các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền lưu động về chuyển đổi số cho người dân trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế: Nhu cầu cần hỗ trợ của người dân là rất lớn trong khi lực lượng tham gia công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân còn ít về số lượng.

1.3. Truyền thông về chuyển đổi số.

a) Kết quả đạt được:

Tăng cường, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân trên địa bàn tỉnh, kết quả đã góp phần từng bước tạo sự đồng thuận, vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, người dân vào tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, cụ thể:

- Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) xây dựng phóng sự "Chuyển đổi số - Động lực tăng trưởng mới cho các doanh nghiệp trong kỷ nguyên số". Phim

phóng sự được xây dựng nhằm đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua và sẽ được phát tại Hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp, doanh nhân của tỉnh (tổ chức vào ngày 11/10/2023), đồng thời sẽ được làm tư liệu để phát trên các kênh sóng của Đài Truyền hình Việt Nam.

- Báo Nam Định, Đài PTTH tỉnh phối hợp với các cơ quan báo chí ở Trung ương xây dựng 20 phóng sự phim phát trên sóng truyền hình NTV Nam Định, các kênh truyền hình của Trung ương,… và hơn 120 tin bài, phóng sự đăng trên Báo Nam Định và các báo điện tử khác,…

- Xây dựng chuyên mục chuyển đổi số trên Báo Nam Định tại địa chỉ: https://baonamdinh.vn/chuyen-doi-so/; Đài Truyền hình Nam Định tại địa chỉ: http://namdinhtv.vn/truyen-hinh/chuyen-muc/chuyen-doi-so. Xây dựng chuyên trang về chuyển đổi số của tỉnh https://chuyendoiso.namdinh.gov.vn/. 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố các xã, phường thị trấn mở chuyên mục về CĐS trên cổng, trang thông tin điện tử. Bình quân mỗi tháng có trên 10 tin bài về CĐS.

- Xây dựng các Kênh truyền thông "Công dân số Nam Định", "Chính quyền số Nam Định".

- Các cấp các ngành chỉ đạo, quán triệt tới cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị; Thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng quan tâm sử dụng và chia sẻ các Kênh truyền thông trên Zalo: Chuyển đổi số quốc gia. Thông qua các hội nghị, chương trình tập huấn Sở Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn trên 11.000 người quan tâm và theo dõi kênh Zalo: Chuyển đổi số quốc gia.

Kết quả về công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh thường xuyên đã góp phần từng bước tạo sự đồng thuận, vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tham gia tích cực vào tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh nói chung cũng như thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cộng đồng doanh nghiệp, người dân.

b) Tồn tại, hạn chế: Chưa xác định được số lượng người quan tâm theo dõi theo địa bàn để phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo.

**2. Thể chế số.**

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số.

a) Kết quả đạt được:

- Tham mưu cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/10/2021 về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Kế hoạch số

115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 41/KH-BCĐCĐS ngày ngày 31/5/2022 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2022; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử năm 2022; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2023; Kế hoạch số 24/KH-BCĐCĐS ngày 21/4/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2023; Kế hoạch số 54/KH-BCĐCĐS ngày 04/05/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2023.

Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với Tập đoàn Bưu chính, Viễn thông Việt Nam VNPT (ký ngày 23/6/2021); Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel (ký ngày 19/11/2021); Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 với Công ty Cổ phần FPT (ký ngày 02/8/2022).

- Chỉ đạo Sở TTTT phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn, xây dựng đội ngũ nhân lực nòng cốt triển khai thực hiện Chuyển đổi số của tỉnh gồm 281 thành viên là cán bộ công chức của các cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh đến cấp xã; thành lập 2.160 Tổ công nghệ số cộng đồng /2.160 Thôn, Xóm, Tổ dân phố (đạt tỷ lệ 100%) với tổng số lượng thành viên là trên 11.500 người.

- 100% sở, ngành, UBND huyện, thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kế hoạch xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025; ban hành đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số thuộc phạm vi ngành, địa phương quản lý.

b) Tồn tại, hạn chế: Đến nay kết quả thực hiện chưa đạt 100% các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2023

- Thường xuyên kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp, các ngành và Trưởng Ban là Thủ trưởng các đơn vị.

- UBND tỉnh đã kịp thời ban hành đầy đủ các văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh, theo đó các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cũng đã ban hành đầy đủ các văn bản để tổ chức thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ mỗi quý Ban Chỉ đạo họp một lần để đánh kết quả công tác chuyển đổi số của tỉnh và tập trung chỉ đạo, điều phối các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc Nghị quyết, Kế hoạch, Đề án về chuyển đổi số của tỉnh.

- Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh ban hành đầy đủ các văn bản về kiến trúc, quy hoạch, nghị quyết, đề án, kế hoạch chiến lược 5 năm, kế hoạch hàng năm về CĐS, phát triển đô thị thông minh tỉnh Nam Định. Xây dựng các Chương trình, Đề án, cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số, phát triển bốn loại hình doanh nghiệp công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi số, phát triển kinh doanh số. Tổ chức các Hội thảo, hội nghị phổ biến quán triệt và giám sát tuân thủ khung kiến trúc Chính quyền điên tử tỉnh Nam Định phiên bản 1.0; 2.0; quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. Hàng năm Sở ban hành văn bản hướng dẫn, nhắc nhở, chấn chỉnh các cơ quan, đơn vị về công tác chi cho chuyển đổi số, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về chi cho chuyển đổi số. Để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến UBND tỉnh đã xây dựng Chương trình phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Tỉnh đoàn, Sở Nội vụ nhằm đào tạo, tập huấn lực lượng nòng cốt đoàn viên, thanh niên để hỗ trợ nhân dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Một số huyện, đơn vị còn phát động phong trào thi đua khen thưởng cho cán bộ công chức, viên chức trong việc đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến như: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền

thông, Sở Tài nguyên, Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp, huyện Nam Trực, Giao Thủy, Hải Hậu, Tp Nam Định.

**3. Hạ tầng số**

- Ban hành Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các đơn vị trong tỉnh căn cứ làm cơ sở tham chiếu trong triển khai thực hiện chuyển đổi số; xây dựng phát triển chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính hướng tới xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Trục liên thông văn bản tỉnh Nam Định kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia, đảm bảo việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến 100% các cơ quan Đảng, đoàn thể và nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định và liên thông đến 100% các Bộ, ban, ngành Trung ương và 62 tỉnh, thành phố trên cả nước. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) tỉnh Nam Định hoạt động hiệu quả kết nối liên thông với hệ thống thông tin ở Trung ương.

- Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL): Các CSDL Quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và nhiều CSDL của các Bộ, ngành Trung ương (như: CSDL Quốc gia về Dân cư, Đăng ký doanh nghiệp, BHXH, Đất đai, Hộ tịch,...) được kết nối, chia sẻ với các CSDL, hệ thống thông tin của tỉnh. Nhiều CSDL của tỉnh đang từng bước tạo lập trong quá trình xây dựng, phát triển các phần mềm, ứng dụng, như: CSDL kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; CSDL quản lý giống cây trồng; CSDL báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; CSDL trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; CSDL thi đua, khen thưởng trong lĩnh giáo dục của tỉnh,… Kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân đang được hoàn thiện, giúp công dân chủ động quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của cá nhân trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống một cửa điện tử của tỉnh; đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch trực tuyến của người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được mở rộng với 371 điểm đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)

- Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh (SOC) vận hành 05 giải pháp và được kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu và các hệ thống thông tin trong quá trình vận hành, kết nối, trao đổi.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây: Thuê dịch vụ điện toán đám mây của tập đoàn VNPT, Tập đoàn Viettel để dịch chuyển dần Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo mô hình điện toán đám mây đáp ứng yêu cầu về kết nối với Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông theo văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Các doanh nghiệp viễn thông triển khai đường Internet cáp quang đến 100% các hộ gia đình. Năm 2023, toàn tỉnh có 338.880 hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang; 100% các xã được phủ sóng di động; Tổng thuê bao điện thoại di động, cố định ước đạt trên 2 triệu thuê bao; thuê bao Internet (cáp quang, di động 4G) ước đạt 1.9 triệu thuê bao; độ phủ sóng di động trên dân số là: 100%, số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh là 1.398.865; số lượng hộ gia đình có người có điện thoại thông minh là 614.646; số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân là 88.612.

**4. Dữ liệu số**

- Các phần mềm vận hành nền tảng LGSP bao gồm: Hệ thống quản lý danh mục, bảng mã điện tử dùng chung của tỉnh, Trục tích hợp dữ liệu, Hệ thống giám sát, vận hành LGSP của tỉnh, Hệ thống quản lý các dịch vụ chia sẻ (API gateway), Hệ thống người dùng chung và dịch vụ đăng nhập một lần, Cổng thông tin nghiệp vụ LGSP của tỉnh các dịch vụ trên được cung cấp tại https://lgsp.namdinh.gov.vn/.

- Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu: Hoàn thành việc xây dựng các phần mềm phục vụ việc tạo lập, cập nhật các cơ sở dữ liệu, như: Cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý giống cây trồng; Cơ sở báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng trong lĩnh giáo dục của tỉnh,…

- Đến thời điểm hiện tại có 9/9 dịch vụ chia sẻ dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh LGSP. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã tích hợp, kết nối với Hệ thống thông tin dùng chung trong thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đô thị thông minh của tỉnh; Hệ thống đăng nhập một lần của tỉnh (SSO); Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP); Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của Quốc gia (NGSP); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ TTTT); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp và Phần mềm Đăng ký doanh nghiệp (Bộ KHĐT); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Phần mềm

quản lý Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp); Phần mềm đăng ký khai sinh điện tử (Bộ Tư pháp); CSDL Quốc gia về bảo hiểm (BHXH Việt Nam); Liên thông TNMT- Thuế (Bộ TNMT); Hệ thống của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST); Ứng dụng Zalo (Công ty Cổ phần VNG). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đang tiếp tục được nâng cấp để đáp ứng yêu cầu về tích hợp, kết nối với CSDL Quốc gia về dân cư (Bộ Công an); Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước (Bộ GTVT); Phần mềm VBDLIS (Bộ TNMT); Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội (Bộ LĐTBXH);...

- Tỉnh Nam Định đã thực hiện kết nối 15/15 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh Nam Định đúng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1832/BTTTT-THH ngày 16/5/2022; 677/BTTTT-THH ngày 3/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh đã được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng tại địa chỉ https://data.namdinh.gov.vn/ cung cấp dữ liệu trên các lĩnh vực ( Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp, Thanh tra, Giáo dục, Y tế, Văn hóa - Thể thao,- Du lịch Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Công an, Giao thông, Nội vụ, Khoa học - Công nghệ, Tư pháp) và thường xuyên cập nhật dữ liệu trên Cổng dữ liệu mở Quốc gia https://data.gov.vn/.

- Hệ thống CSDL dùng chung tỉnh Nam Định tại địa chỉ https://lgsp.namdinh.gov.vn cho phép quản lý CSDL tập trung của các Sở ban ngành trên địa bàn tỉnh trên một hệ thống duy nhất. Hệ thống cung cấp các bộ ứng dụng cho nhiều đối tượng khác nhau như người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư và các sở ban ngành trên địa bàn tỉnh.

**5. Nền tảng số**

- Nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP): tiếp tục duy trì, thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu các phần mềm, cơ sở dữ liệu của tỉnh đến các bộ, ngành trung ương thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP). Kết quả: đã kết nối đến đến Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) với 9 dịch vụ[1]; kết nối nội tỉnh thông qua Nền tảng (LGSP) 06 dịch vụ[2] https://lgsp.namdinh.gov.vn/; Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kết nối chính thức giữa hệ thống thông tin một

[1] gồm (1) Bảo hiểm xã hội; (2) Đăng ký doanh nghiệp; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (4) Hộ tịch; (5) Lý lịch tư pháp; (6) cấp mã số quan hệ ngân sách; (7) Văn bản quy phạm pháp luật; (8) Bưu chính công ích (VNPost); (9) Danh mục dùng chung.

[2] gồm (1) Hệ thống quản lý quy trình động, Dịch vụ quản lý và tích hợp chữ ký số, Dịch vụ thanh toán điện tử, Dịch vụ tích hợp nền tảng bản đồ số GIS, Dịch vụ tích hợp tin nhắn SMS, Hệ thống xác thực người dùng, đăng nhập một lầnTra cứu văn bản trên Quản lý văn bản; (2) Kết nối quản lý văn bản và Một cửa điện tử và ngược lại; (3) Hệ thống thông tin báo cáo.

cửa điện tử của tỉnh với hệ thống đăng ký khai sinh của Bộ Tư pháp từ Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP).

- Hệ thống hội nghị truyền hình:

Hệ thống Hội nghị họp trực tuyến đã triển khai từ tỉnh đến 10 huyện, thành phố và 100% xã, phường, thị trấn, với tổng số 236 điểm cầu. Năm 2023, hệ thống tiếp tục được nâng cấp, mở rộng máy chủ điều khiển Trung tâm (MCU), đầu tư hệ thống trang thiết bị và cấp tài nguyên thiết lập phòng họp trực tuyến cho 18 điểm tại các sở, ngành; hệ thống máy chủ (MCU) phục vụ THHN toàn tỉnh. Trong năm, phục vụ 167 hội nghị trực tuyến để chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh[3]. Xây dựng Quy trình quản lý vận hành hệ thống THHN từ tỉnh đến xã để nâng cao chất lượng hệ thống.

- Các nền tảng ứng dụng dành cho Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh tỉnh Nam Định gồm: (l)Bản quyền sharepoint cho hệ thống phần mềm điều hành (1 license); (2) Bản quyền phần mềm trợ lý ảo hỗ trợ các đối tượng sử dụng ứng dụng chuyển đổi số và đô thị thông minh (1 hệ thống); (3) Hệ thống kết nối, tích hợp - dashboard: Hệ thống tổng hợp các ứng dụng, phần mềm; Tích hợp chức năng với các phần mềm dùng chung toàn tỉnh đáp ứng yêu cầu tích hợp; Hiển thị thông tin thống kê, các cảnh báo chung từ các phần mềm kết nối và hệ thống phần mềm điều hành (1 hệ thống). (4) Hệ thống tổng hợp thông tin kinh tế - xã hội: Hệ thống quản lý, giám sát các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; Cung cấp hệ thống thu thập tổng hợp số liệu từ cấp tỉnh đến các sở, ban, ngành, huyện, xã; Tích hợp với các hệ thống cung cấp số liệu đáp ứng yêu cầu tích hợp đã triển khai trên địa bàn tỉnh tự động thu thập dữ liệu; Đưa ra các cảnh báo, dự báo, các biểu đồ so sánh đề lãnh đạo có cái nhìn tổng quan phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và ra quyết định (1 hệ thống). (5) Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường: Hệ thống cho phép người dân phản ánh các vấn đề của xã hội thông qua các kênh dịch vụ. Từ đó, cơ quan quản lý có thể tiếp nhận và xử lý các phản ánh (1 hệ thống). (6) Hệ thống chỉ đạo điều hành: Hệ thống tổng hợp và truyền đạt ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh đến các đơn vị, cá nhân liên quan, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân; Kế thừa hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành, cho phép kết nối, liên thông viêc theo dõi và quản lý nhiệm vụ .

- UBND tỉnh Nam Định đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh tại Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển

[3] Có 127 cuộc từ UBND tỉnh, các sở, ngành đến UBND huyện, xã; 40 cuộc từ tỉnh với trung ương, bộ ngành.

kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đẩy mạnh sử dụng 35 nền tảng số quốc gia theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT và 15 nền tảng số phục vu phát triển chính phủ số, chính quyền số theo Công văn số 702/CĐS-CSS ngày 25/5/2023 của Cục Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

**6. Nhân lực số**

6.1 Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ công chức, viên chức

Ban hành Kế hoạch số 54/KH-BCĐCĐS ngày 04/05/2023 về tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2023, theo đó đã triển khai:

- Tổ chức Hội nghị về chuyển đổi số cho doanh nghiệp và Lãnh đạo tỉnh gặp mặt doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2023 gần 400 lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với Cục Chuyển đổi số Quốc gia - Bộ TTTT, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam VNPT, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công thương; các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh tổ chức Hội nghị: tập huấn, phổ biến kiến thức chuyển đổi số về phát triển dữ liệu số cho cho cho hơn 3.800 đại biểu dự trực tiếp của các cơ quan nhà nước 3 cấp tỉnh Nam Định và hơn 8.000 lượt người xem, theo dõi trực tuyến trên các nền tảng mạng xã hội; hơn 2.500 thanh niên, đoàn viên trên địa bàn tỉnh; trên 2.000 đại biểu là cán bộ công chức, viên chức ngành Công thương trên địa bàn tỉnh; hơn 2.600 đại biểu là cán bộ công chức, viên chức ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh; 70 hội nghị phổ biến kiến thức về chuyển đổi số và bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho hơn 14.000 người dân tại 70 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

6.2 Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng

- Đã thành lập 226/226 Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã; 2.160/2.160 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với trên 11.000 thành viên trong đó huy động trên 200 nhân sự của các doanh nghiệp bưu chính viễn thông tham gia; Tổ chức tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh năm 2023 với sự tham gia của trên 11.000 Thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn tại các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố.

**7. An toàn, an ninh mạng**

Công tác an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, đảm bảo không để xảy ra tình trạng mất an toàn, an ninh thông tin trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh được kết nối với các

Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng của bộ, ngành Trung ương và Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia. Hoàn thành công tác bảo đảm an toàn thông tin 5 lớp theo đúng hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng được thực hiện thường xuyên theo đúng quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Trung tâm THDL tỉnh Nam Định từng bước đầu tư, nâng cấp xây dựng Trung tâm THDL của tỉnh để đáp ứng nhu cầu vận hành, khai thác các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Hiện trung tâm THDL tỉnh gồm có: 45 máy chủ vật lý và 251 máy chủ được ảo hóa; có 04 thiết bị bảo mật (03 Firewall cứng và 01 Firewall mềm), 05 thiết bị lưu trữ (SAN), 01 thiết bị sao lưu (NAT), 02 thiết bị phòng chống tấn công Ddos; Duy trì tốt hệ thống đường truyền kết nối đến Trung tâm THDL tỉnh gồm: Hệ thống mạng LAN; mạng WAN kết nối đến 18 sở và 10 huyện và thành phố. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của của tỉnh được mở rộng với 371 điểm đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã). Sở TT&TT đang tiếp tục nâng cấp Trung tâm THDL trong đó đầu tư nâng cấp bổ sung máy chủ, thiết bị lưu trữ theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây để từng bước đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động của cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Công tác triển khai ATTT 4 lớp: Tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành công tác bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp theo đúng hướng dẫn của Bộ TTTT và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng: Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan triển khai việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng định kỳ hoặc đột xuất đối với các hệ thống thông tin theo cấp độ của tỉnh đảm bảo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Thực hiện việc thuê hệ thống giám sát của Tập đoàn Viettel thực hiện giám sát toàn bộ hệ thống mạng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu đảm bảo 24/7; thuê giải pháp của tập đoàn VNPT, Viettel trong việc triển khai mô hình điện toán đám mây để dịch chuyển Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo mô hình điện toán đám mây đáp ứng yêu cầu về kết nối với Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tỉnh Nam Định đã ban hành Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin. Các huyện, thành phố cũng phê duyệt cấp độ cho các hệ thống thông tin do UBND cấp huyện quản lý. Tổng số có 15 hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ và đảm bảo các phương án an toàn thông tin cho các hệ thống theo cấp độ được phê duyệt.

- Chỉ đạo khai thác có hiệu quả hệ thống phòng chống mã độc tập trung tại Trung tâm THDL để kịp thời cảnh báo, phát hiện các sự cố mất an toàn, an ninh thông hoặc các sự cố ảnh hưởng đến việc duy trì vận hành thông suốt các hệ thống,... từ đó có giải pháp xử lý, khắc phục kịp thời. Cụ thể cho 2500 máy chủ và máy trạm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, ngoài ra các cơ quan tự cài đặt và trang bị phần mềm bảo vệ có bản quyền cho khoảng 6.500 máy tính khác theo các chương trình, dự án riêng của cơ quan. tổ chức triển khai Kế hoạch diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của Bộ TTTT; Trong năm 2023 Sở đã phát hiện và xử lý 14/14 sự cố tấn công mạng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức thuê đơn vị độc lập thực hiện đánh giá, đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống hạ tầng CNTT và hệ thống máy chủ, phần mềm ứng dụng cài đặt tại Trung tâm THDL; sử dụng phần mềm Kaspersky (với 300 bản quyền) để thực hiện phòng chống mã độc tập trung và thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống giám sát của Bộ TT&TT. 100% Hệ thống thông tin đặt tại Trung tâm THDL tỉnh đều được giám sát, kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. 100% các hệ thống thông tin của tỉnh đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017. 100% các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh đều được trang bị các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng.

**8. Chính quyền số**

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh) được triển khai đến 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đến nay đã có gần 7 triệu lượt người truy cập. Niêm yết công khai 1.723 TTHC của tỉnh, 100% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết công khai trên Cổng; 100% quy trình giải quyết TTHC của tỉnh được xây dựng quy trình điện tử và công khai trên Hệ thống để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá quá trình thực hiện; 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần được cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, qua đó đã góp phần nâng cao được chất lượng giải quyết TTHC và tăng cường được việc quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện giải quyết TTHC của công chức một cửa. Đã tích hợp, kết nối và cung cấp 1.130 DVC trực tuyến của tỉnh trên Cổng DVC Quốc gia; kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Cổng DVC Quốc gia.

- Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 100% TTHC 3 cấp của tỉnh, gồm 1.723 TTHC được niêm yết công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, trong đó có 1.685 TTHC đủ điều kiện xây dựng ở mức DVC toàn trình và DVC một phần

theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP đạt 97,7% (gồm: 1.148 TTHC là DVC trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 68% và 537 là DVC trực tuyến một phần đạt tỷ lệ 32%) và 38 DVC còn lại đạt 2,3%.

- 100% quy trình giải quyết TTHC của tỉnh được xây dựng quy trình điện tử và công khai trên Hệ thống để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá quá trình thực hiện.

- 100% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống (bao gồm cả hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và hồ sơ tiếp nhận trực tuyến. Đến hết ngày 14/12/2023 trong 1.148 TTHC là DVC trực tuyến toàn trình có 956 DVC toàn trình có phát sinh hồ sơ đạt 83%, và có 427 DVC trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ đạt 80%. Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống là 738.633 hồ sơ. Trong đó có 630.390 là hồ sơ tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến đạt trên 85%. Số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình 470.663. Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình 692.529. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn trên Cổng đạt 99,7%.

- Về thanh toán trực tuyến: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã hoàn thiện chức năng thanh toán trực tuyến theo quy định, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và tích hợp, kết nối liên thông với nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công Quốc gia (nền tảng Payment Platform) phục vụ việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC. Tháng 8/2021 đã hoàn thành việc kết nối liên thông với Hệ thống Liên thông TNMT-Thuế (Bộ TNMT) phục vụ việc thanh toán nghĩa vụ thuế trong giải quyết TTHC về đất đai. Toàn tỉnh có 432/432 TTHC có nghĩa vụ đã được tích hợp nền tảng thanh toán trực tuyến của Hệ thống Một cửa tích hợp Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và có 185 TTHC có nghĩa vụ tài chính được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đến tháng 12/2023 có 356.230 hồ TTHC được giải quyết thuộc các TTHC có nghĩa vụ tài chính trong đó số hồ sơ thanh toán trực tuyến là 306.921 hồ sơ đạt 84,03%. Tổng số tiền thực hiện thanh toán là trên 6,5 tỷ đồng. Có 57.754 lượt thanh toán trực tuyến nghĩa vụ thuế về đất đai, tổng số tiền là hơn 32 tỷ đồng. Tổng số tiền thanh toán trực tuyến trên cổng DVC của tỉnh là 38,5 tỷ đồng.

+ Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc và ký số: được triển khai đến tất cả các cơ quan Đảng, Nhà nước, liên thông bốn cấp, bảo đảm tiêu chuẩn, kỹ thuật theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Chính phủ, với trên 22.000 tài khoản với 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và 100% các xã phường, thị trấn, các trường học, bệnh viện được kết nối liên thông. Đến nay, 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh và 100% cơ Đảng thuộc Tỉnh ủy, 100% các tổ chức đoàn thể và 10/10 Huyện ủy, Thành ủy, 100% UBND các xã,

phường, thị trấn được cấp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. Đến nay 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 100%; 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt 100% và 100% UBND cấp xã có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt 100%. Kết quả trong năm ở khối sở, ban, ngành: có 571.032 văn bản đến và 131.909 văn bản đi, tại khối đảng, đoàn thể: có 33.620 văn bản đến và 6.675 văn bản đi, 100% văn bản đi tại 3 cấp chính quyền đều được thực hiện ký số.

- Tình hình cấp chứng thư số cho cán bộ một cửa các cấp: Cấp 100% chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho cán bộ làm công tác tiếp nhận và sử lý hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và tại bộ phận một cửa cấp huyện, một cửa cấp xã các trường học, bệnh viện. Tổng số chứng thư số đã cấp là 7.189 chứng thư số trong đó 1.059 tổ chức và 6.130 cá nhân.

- Công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn triển khai nghiệp vụ số hóa TTHC: hoàn thành việc hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho 100% cán bộ một cửa của các sở ngành tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Hoàn thành việc hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho 100% cán bộ một cửa cấp huyện, cán bộ một cửa cấp xã của 10 huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn. Tổng số cán bộ một cửa được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn triển khai nghiệp vụ số hóa TTHC là hơn 2.500 người.

- Kết quả thực hiện việc số hóa TTHC:

+ Đối với các cơ quan cấp tỉnh (Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh) Từ ngày 01/6/2022, 100% TTHC tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh đã được thực hiện số hóa theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

+ Đối với Bộ phận một cửa cấp huyện, một cửa cấp xã: 100% Bộ phận một cửa của 10/10 huyện, thành phố và 226/226 xã, phường, thị trấn đã triển khai thực hiện.

- Tổng số hồ sơ TTHC được Bộ phận một cửa các cấp thực hiện số hóa là 491.190 hồ sơ đạt 66,5%. kết quả giải quyết TTHC.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được nâng cấp, tích hợp với chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của Ban Cơ yếu Chính phủ từ năm 2020 nhằm đáp ứng yêu cầu ký số điện tử vào kết quả TTHC. Năm 2023, để thuận tiện cho quá trình cấp số đối với các kết quả TTHC là văn bản đi, Sở TTTT đã hoàn thành việc kết nối phần mềm quản lý văn bản với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh việc trả kết quả bằng văn bản điện tử song song với bản giấy vào kho dữ liệu điện tử và email của người dân, doanh nghiệp. Từ tháng 4/2022, 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh (từ cấp tỉnh đến cấp xã) đã triển khai thực hiện ký số điện tử vào kết quả

TTHC và trả đồng thời kết quả TTHC bằng văn bản điện tử song song với bản giấy. Đến tháng 12/2023, tổng số hồ sơ TTHC có kết quả trả bằng bản điện tử là 532.480 hồ sơ đạt 72,09%.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nam Định đã hoàn thành việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để phục vụ việc chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa trong toàn quốc thống nhất, hiệu quả. Tổng số Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân được đồng bộ trên Cổng DVC Quốc gia và được xác thực với CSDL Quốc gia về dân cư là 808.369 tài khoản.

- Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh: Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước. Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ truy cập: baocao.namdinh.gov.vn), đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và đã hoàn thành tạo tài khoản, tập huấn hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp đến 100% cơ quan hành chính nhà nước 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trên địa bàn tỉnh. Đến nay 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn sử dụng hệ thống báo cáo của tỉnh trong việc báo cáo các chỉ tiêu theo quy định. Việc chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, bộ chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo, điều hành của các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn của tỉnh trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Cung cấp thông tin, dữ liệu, kết nối Trung tâm Phục vụ hành chính công với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ, tỉnh Nam Định đã chia sẻ, cung cấp số liệu 12 tháng của năm 2019, 2020, 2021, 2022 của 08 chỉ tiêu do Văn phòng chính phủ quy định tại văn bản số 7798/VPCP-KSTT ngày 18/9/2020.

Hoàn thành việc cập nhật trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và cung cấp dữ liệu về Trung tâm điều hành đô thị thông minh của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, như: Bộ chỉ tiêu Niên giám thống kê giai đoạn 2016-2020 và Bộ chỉ tiêu về phát triển KTXH của tỉnh năm 2019, 2020, 2021, 2022.

Hoàn thiện chế độ báo cáo theo Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg, số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Hoàn thành việc chuẩn hóa, điện tử hóa toàn bộ chế

độ báo cáo, chỉ tiêu báo cáo của tỉnh Nam Định theo quy định tại quyết định số 05/2023/QĐ-TTg, số 293/QĐ-TTg trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh theo đúng quy định.

Triển khai chế độ báo cáo theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP: Hoàn thành việc chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, bộ chỉ tiêu báo cáo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP. Hiện nay 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh đã triển khai thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 01/2020/TT-VPCP trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh song song với việc triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh: 100% các sở, ngành, 10 huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn đã có Cổng/ Trang TTĐT hoạt động ổn định, thông tin được cập nhật đầy đủ kịp thời theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP. Cổng thông tin điện tử của tỉnh Nam Định đã được chuyển đổi sang công nghệ IPv6 và đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông. Hệ thống Cổng/ Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh đã đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu khai thác, tìm kiếm thông tin, văn bản tài liệu của người dân, doanh nghiệp. Cổng TTĐT của tỉnh được nâng cấp, thay thế giải pháp công nghệ của cổng từ tháng 11/2020. 100% thông tin chỉ đạo điều hành, văn bản QPPL, văn bản CĐĐH ,… của tỉnh, của các cơ quan nhà nước được cập nhật thường xuyên, kịp thời. Đã cập nhật được 10.153 tin bài, văn bản tài liệu trên cổng, luôn duy trì việc cập nhật trên 500 tin bài, văn bản trong 1 tháng. Đến nay Cổng đã có 33.493.975 lượt người truy cập.

**9. Kinh tế số**

- Tổng doanh thu doanh nghiệp số (Doanh nghiệp Viễn thông và Công nghệ thông tin) ước đạt 1.500 tỷ đồng.

- Doanh thu thương mại điện tử ước đạt 354 tỷ đồng (theo doanh thu của Bưu chính và chuyển phát).

- Cục thuế tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan chỉ đạo thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn.

- Hoạt động giao dịch thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh:

+ Các sàn thương mại điện tử: Sàn giao dịch TMĐT của tỉnh có 254 gian hàng với 2.068 sản phẩm được trưng bày; Postmart có 38 sản phẩm với 18 sản phẩm OCOP với 7 chủ thể OCOP; Vỏ sò có 178 sản phẩm với 16 sản phẩm OCOP với 10 chủ thể OCOP gồm 142 hộ tham gia.

Toàn tỉnh có trên 3.300 doanh nghiệp sử dụng nền tảng số; gần 5.389 doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, 350 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công

nghệ thông tin, điện tử viễn thông, trong đó: có 300 doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, cung cấp dịch vụ phần cứng, điện tử; 15 Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phần mềm; 35 doanh nghiệp Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT. Giá trị sản xuất đạt 2.675 tỷ đồng. Nhân lực ICT: 5250 người.

**10. Xã hội số**

Bên cạnh tuyên truyền để chuyển đổi nhận thức, xây dựng đô thị thông minh lấy người dân là trung tâm. Nam Định đã tập trung hoàn thiện hạ tầng thông tin, xây dựng mạng Internet cáp quang đến 100% hộ gia đình, hiện nay toàn tỉnh có trên 1.8 triệu thuê bao điện thoại, 1,7 triệu thuê bao Internet được truy cập Internet tốc độ cao 4G; tỷ lệ hộ gia đình có máy tính đạt trên 82%; Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các huyện, thành phố đã cung cấp điểm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân về chuyển đổi số và công nghệ số; 60% các cơ sở y tế từ cấp xã trở lên có kết nối hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; 100% ngân hàng trên địa bàn đã cung cấp các dịch vụ tài chính - ngân hàng điện tử đến các đối tượng là người dân. Hiện có khoảng gần 80% người dân độ tuổi từ 15 tuổi trở lên đã có tài khoản ngân hàng để thực hiện giao dịch; Công an tỉnh đã thực hiện cấp danh tính số cho khoảng 95% dân số trên địa bàn tỉnh; Ngoài chữ ký số của cơ quan nhà nước đã triển khai từ tỉnh đến xã cho tất cả cán bộ cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký số thì các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh cũng đã cấp chữ ký số và chữ ký điện tử cho 100% các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; 9,07% số hợp tác xã nông nghiệp có hoạt động thương mại điện tử, ứng dụng nông nghiệp thông minh.

**11. Kinh phí thực hiện**

Tổng đầu tư cho CNTT, chuyển đổi số năm 2023 là 803,5 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

Chi cho chính quyền số là 335 tỷ đồng, trong đó nguồn chi đầu tư từ ngân sách cho chính quyền số là 85 tỷ đồng; chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho chính quyền số là 250 tỷ đồng (Theo Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2021-2025. kinh phí cấp cho năm 2023 là 250 tỷ đồng; Ngoài ra nguồn kinh phí các huyện, xã tự đảm bảo khoảng 70 tỷ đồng. Kinh phí đối ứng dự án của một số ngành y tế, giáo dục khoảng 20 tỷ đồng. Kinh phí khối Đảng khoảng 35 tỷ đồng.

Chi chi kinh tế số là 170 tỷ đồng, trong đó kinh phí đầu tư từ NSNN cho kinh tế số là 25 tỷ đồng, kinh phí thường xuyên từ NSNN cho kinh tế số là 145 tỷ đồng.

Chi cho xã hội số là 136 tỷ đồng, trong đó kinh phí đầu tư từ NSNN cho xã hội số là 81 tỷ đồng, kinh phí thường xuyên từ NSNN cho xã hội số là 55 tỷ đồng. Kinh phí chi cho xã hội số chủ yếu là chi cho các dự án: Xây dựng Hệ thống CSDL công dân; Hệ thống tiếp nhận xử lý phản ánh kiến nghị của công dân, doanh nghiệp; Hệ thống nông nghiệp thông minh; Hệ thống giao thông thông minh; Du lịch thông

minh; Y tế thông minh; Giáo dục thông minh; chi đào tạo, tập huấn; đưa người dân lên sàn TMĐT; lắp đặt wifi miễn phí tại các điểm công cộng của huyện, thành phố, các điểm tham quan, du lịch.

Chi cho an toàn thông tin là 37.5 tỷ đồng, trong đó kinh phí đầu tư từ NSNN cho an toàn thông tin là 9,1 tỷ đồng (chi cho dự án nâng cấp trung tâm THDL), kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho ATTT là 4,56 tỷ đồng (chi cho các hoạt động giám sát ATTT 0,5 tỷ đồng; Kinh phí kiểm tra, đánh giá ATTT 1,8 tỷ đồng; Kinh phí diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT: 0,5 tỷ đồng; Kinh phí đào tạo, tập huấn ATTT 0,2 tỷ đồng; Kinh phí tuyên truyền nâng cao nhận thức ATTT 0,05 tỷ đồng)

## Phần II

## NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

### I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 17/QĐ-UBQGCĐS ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin;

- Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021- 2025. định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 24/KH-BCĐCĐS ngày 21/4/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2023.

- Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử năm 2022;

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" tỉnh Nam Định;

- Văn bản số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Trong đó tập trung

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho các cấp, các ngành trong tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo; tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số năm 2024.

- Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số được giao.

- Ban hành danh mục CSDL dùng chung của tỉnh; danh mục CSDL mở của tỉnh. Xây dựng Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh; Xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

- Xây dựng Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của tỉnh (Hệ thống IOC); phát triển nền tảng làm việc số cho phép người sử dụng đăng nhập một lần, trải nghiệm xuyên suốt, đồng bộ các chức năng của các nền tảng số, dịch vụ số dùng chung của tỉnh trong thực hiện chuyển đổi số, đưa hoạt động của các cơ quan nhà nước và của người dân, doanh nghiệp lên trên môi trường điện tử, thiết bị di động.

- Tiếp tục đẩy mạnh thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt. Trong đó tập trung đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC đến cấp xã; triển khai thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, y tế, giáo dục,…

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Trước hết, giúp người dân biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du

lịch, đọc sách, giải trí, …); biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% tổng số hồ sơ công việc tại 03 cấp chính quyền được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tỷ lệ văn bản điện tử có chứng thực số và ký số ở 3 cấp chính quyền đạt 100% trở lên.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 85% ở cả 3 cấp chính quyền.

- Phấn đấu 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, chính phủ.

- 100% các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; năm 2024 đạt 80%, mục tiêu phấn đấu tỷ lệ cơ quan nhà nước thực hiện cung cấp dữ liệu mở đến năm 2025 đạt 100%.

- 20% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

-Tập trung thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

**2. Kinh tế số**

Tập trung vào các nhiệm vụ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số như sau:

- Phấn đấu 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số, đẩy nhanh quá trình đưa các sản phẩm thế mạnh, đặc trưng của tỉnh lên các sàn thương mại điện tử.

- Phấn đấu kinh tế số chiếm 20% GRDP.

- Phấn đấu từ 50% doanh nghiệp trở lên áp dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh.

**3. Xã hội số**

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã và các hộ gia đình.

- Hoàn thành phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- 80% tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục được đào tạo nâng cao nhận thức số, kỹ năng số.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân ước đạt 5%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản ước đạt 30%.

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản ước đạt 20%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến ước đạt 30%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử ước đạt 10%.

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số ước đạt 70%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số ước đạt 40%.

- Phấn đấu duy trì tỉnh Nam Định thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về chuyển đổi số.

**III. NHIỆM VỤ**

**1. Nhận thức số**

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Xây dựng Kế hoạch và triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; Kế hoạch hưởng ứng và phổ biến Tháng 10 - Tháng Tiêu dùng số.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ngành, huyện, thành phố chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi

số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trong tỉnh để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng, ví dụ: mô hình ngày Chủ nhật số, .....

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, học tập, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số được đăng tải tại các trang thông tin Chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cẩm nang Chuyển đổi số: https://dx.mic.gov.vn; Bài học Chuyển đổi số: https://t63.mic.gov.vn; Bài toán Chuyển đổi số: https://c63.mic.gov.vn)

1.3. Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia"; "Công dân số Nam Định", trên Zalo

UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân trên địa bàn sử dụng Kênh Zalo "Chuyển đổi số quốc gia", "Công dân số Nam Định" và ứng dụng "Công dân số" trên điện thoại thông minh để cập nhật kịp thời các thông tin mới nhất về chuyển đổi số.

**2. Thể chế số**

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về chương trình Chuyển đổi số. Cụ thể, Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử.

- Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số được giao.

- Tiếp tục triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử, đảm bảo đáp ứng yêu và hoàn thành nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

- Rà soát, ban hành kịp thời quy chế vận hành các hệ thống thông tin của tỉnh theo quy định.

**3. Hạ tầng số**

- Nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng trên địa bàn tỉnh. Tăng nhanh tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng.

- Chuyển đổi toàn bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (Ipv6).

- Nâng cao chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Tiếp tục triển khai, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

- Đầu tư và khai thác hiệu quả Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh dữ liệu tập, triển khai phương án đầu tư xây dựng kết hợp thuê dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp một cách phù hợp.

- Tiếp tục đầu tư và triển khai việc dần dịch chuyển Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh lên nền tảng điện toán đám mây theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Khai thác có hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

- Duy trì hiệu quả hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã đảm bảo chất lượng để tổ chức các cuộc họp trực tuyến trên toàn tỉnh, đặc biệt phục vụ các cuộc họp tổ chức từ Trung ương trực tuyến đến các xã.

- Tiếp tục rà soát, cấp chứng thư số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ cho cán bộ, công chức và các cơ quan, đơn vị nhà nước.

**4. Dữ liệu số**

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các CSDL quốc gia trên địa bàn tỉnh, CSDL chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

- Xây dựng, sử dụng các CSDL dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; Mở dữ liệu, tạo dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Xây dựng Kho dữ liệu điện tử dùng chung của tỉnh, Kho dữ liệu điện tử cá nhân và hệ thống thu thập, xử lý, chuẩn hóa dữ liệu của tỉnh; Triển khai ứng dụng hiệu quả Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

**5. Nền tảng số**

- Lựa chọn các nền tảng số quốc gia, các nền tảng số phục vụ người dân để ưu tiên thúc đẩy trên địa bàn tỉnh, sử dụng lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân sử dụng;

- Triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, đánh giá, bảo đảm trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ chính phủ số, chính quyền số tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp

- Phát triển nền tảng quản trị công việc tổng thể cấp tỉnh và các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Triển khai Nền tảng Trợ lý ảo thuộc 3 nhóm: Trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức; Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Trợ lý ảo phục vụ người dân nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung của tỉnh để lưu trữ dữ liệu tập trung trên quy mô toàn tỉnh, bao gồm dữ liệu phi cấu trúc và dữ liệu có cấu trúc từ nhiều nguồn; từ đó tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu, trước tiên là phục vụ kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để phát triển Chính phủ số, sau đó là để xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, nâng cấp, cập nhật tính năng mới, tuyên truyền tới các tổ chức và người dân, việc tăng cường sử dụng các nền tảng số đã được triển khai.

**6. Nhân lực số**

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số, trong đó ưu tiên hình thức bồi dưỡng trực tuyến qua Nền tảng học trực tuyến để cán bộ, công chức, viên chức có thể truy cập và học mọi lúc, mọi nơi, không làm gián đoạn thực hiện công việc hàng ngày.

- Cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn trực tiếp, trực tuyến do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng chuyển đổi số

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho các cấp, các ngành trong tỉnh, dự kiến tổ chức 10 hội thảo, hội nghị tập huấn, truyền thông chuyên sâu theo ngành, lĩnh vực cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Tỉnh đoàn, UBND các huyện, thành phố,

UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức các đợt tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng số trực tiếp cho người dân, doanh nghiệp

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội, để giúp người dân trong tỉnh biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí, …); biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

**7. An toàn thông tin mạng**

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

- Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của tỉnh và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

- Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4 và 1 lần/06 tháng cho hệ thống cấp độ 5).

- Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến/năm, ưu tiên hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên.

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

- Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin phù hợp với quy định.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ  bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7.4. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm tối thiểu đơn vị chuyên trách an toàn thông tin mạng có tối thiểu  01 chuyên gia về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố; các sở, ban, ngành, địa ương có từ 01 cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin được tập huấn về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2023.

- Duy trì có hiệu quả trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

**8. Chính quyền số**

- Tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số được giao.

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng. Đảm bảo kết nối tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã phục vụ chính quyền số.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc kết nối, trao đổi dữ liệu và mở dữ liệu; tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn chuyên ngành của từng ngành, địa phương;

-Tiếp tục triển khai công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức trong tỉnh.

- Tiếp tục phát triển và khai thác hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) để phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước ngày càng cao.

- Tập trung nguồn lực triển khai Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Tiếp tục triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử năm 2023, đảm bảo đáp ứng yêu và hoàn thành nhiệm vụ theo chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

- Ban hành quy chế và triển khai có hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đến 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh. Đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp, chia sẻ dữ liệu về Trung tâm điều hành đô thị thông minh của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và ra quyết định của lãnh đạo tỉnh.

- Hoàn thành việc rà soát và cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện của tỉnh trên Cổng DVC Quốc gia và Cổng DVC của tỉnh theo hướng dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

- Thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng.

- Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC).

- Triển khai Kênh giao tiếp số hợp nhất kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho

người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền qua các hình thức khác nhau (ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử, tổng đài, mạng xã hội)

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai việc số hóa kết quả TTHC của tỉnh còn hiệu lực; thực hiện việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả TTHC trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa đến cấp xã.

-Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống QLVB&ĐH liên thông; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử, Hệ thống xử lý PAKN,

**9. Kinh tế số**

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trải nghiệm, sử dụng các nền tảng số.

- Thúc đẩy phát triển sửa dụng nền tảng số ở lính vực nông nghiệp, du lịch, logistics, dệt may và công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, thành phố biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục triển khai việc sử dụng hóa đơn điện tử và thuế điện tử tới toàn thể doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tổ chức đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Money, VNPT Money...)

- Tiếp tục đẩy mạnh thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt. Trong đó tập trung đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC đến cấp xã; triển khai thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, y tế, giáo dục,…

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

**10. Xã hội số**

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho mọi người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường tuyên truyền cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID mức độ 2 là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân, sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.

- Triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ Mobile Money, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền và thanh toán bằng tài khoản Mobile Money mà không cần có tài khoản ngân hàng; các đơn vị tín dụng tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân.

- Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu, bệnh viện, trường học hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Có các chính sách ưu đãi cho hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Triển khai các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số không dùng tiền mặt như: làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm.

- Tích hợp hệ thống xác thực qua VNeID vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh, cho phép người dân sử dụng VNeID có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Phổ cập nhanh tài khoản định danh và xác thực điện tử, thông qua đó, phổ cập tài khoản dịch vụ công trực tuyến và đẩy mạnh cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình.

- Triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh sử dụng chữ ký số cá nhân trong các giao dịch trên môi trường điện tử.

- Tích hợp tính năng ký số vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh; khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động.

- Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trong tỉnh.

- Tiếp tục đưa vào sử dụng các nền tảng, ứng dụng mới phục vụ người dân, trong đó quan tâm nghiên cứu đưa vào sử dụng các công nghệ nền tảng phục vụ việc

giao tiếp, tương tác hai chiều giữa người dân và cơ quan nhà nước trên thiết bị di động.

- Triển khai phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản. Việc bảo vệ này cơ bản không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện. Trong đó, chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt

## IV. GIẢI PHÁP

### 1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ chính quyền số; Xây dựng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân;...

Tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số trong cộng đồng dân cư, nòng cốt là các thành viên tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố đồng thời phát huy vai trò tiên phong của lực lượng đoàn thanh niên trong việc tuyên truyền và hỗ trợ người dân trong sử dụng các nền tảng số.

### 2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác các hệ thống công nghệ thông tin, các nền tảng và cơ sở dữ liệu phục vụ việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm Chính quyền số.

Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trong mọi lĩnh vực.

### 3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,…

### 4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức các cấp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị.

**5. Tăng cường hợp tác quốc tế**

Tổ chức các đoàn công tác thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số trong tỉnh.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn Ngân sách Nhà nước năm 2023. Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được UBND tỉnh phê duyệt.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan thường trực hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân công; đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

### 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định cân đối phân bổ nguồn vốn để thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp,đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (PCI).

### 3. Sở Tài chính

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

**4. Các sở, ban, ngành, địa phương**

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này và các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về "Chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 08/5/2022 của UBND tỉnh về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định, Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2022-2025, Kế hoạch số 24/KH-BCĐCĐS ngày 21/4/2023 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định về kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện 100% các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ đã đăng ký theo kế hoạch chuyển đổi số đã được các đơn vị ban hành, bảo đảm đúng theo quy định hiện hành.

- Định kỳ hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định. Trong quá trình thực hiện, phát sinh nhiệm vụ khác theo yêu cầu ngoài Kế hoạch đề nghị cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) xem xét, cho chủ chương riêng để thực hiện.

## VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Nam Định. UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung vào Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế./

***Nơi nhận:***
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VP1, VP7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Nghị**